

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2025 và thay thế cho thủ tục “Cấp Giấy chứng nhận, tem kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt” tại mục 1 Phần I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 162/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Văn phòng Bộ (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Danh Huy

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương				
1	1.004990	Cấp Giấy chứng nhận, tem kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	Thông tư số 20/2025/TT-BXD ngày 15/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư về lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	Cục Đăng kiểm Việt Nam

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cấp Giấy chứng nhận, tem kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp lập 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định và nộp cho Cơ quan kiểm tra bằng hình thức gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra hoặc hướng dẫn để cơ sở sản xuất hoàn thiện hồ sơ (trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần) trong một 01 ngày làm việc. Riêng đối với trường hợp kiểm tra sản xuất lắp ráp và kiểm tra nhập khẩu toa xe đường sắt đô thị thì thời gian kiểm tra và hướng dẫn để cơ sở sản xuất hoàn thiện hồ sơ (trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần) là mười (10) ngày làm việc.

- Cơ quan kiểm tra tiến hành đối chiếu nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra với nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng trong vòng năm (05) ngày làm việc, riêng đối với toa xe đường sắt đô thị trong vòng ba mươi (30) ngày. Nội dung này không áp dụng đối với trường hợp kiểm tra hoán cải, định kỳ.

- + Trường hợp nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra hợp lệ, Cơ quan kiểm tra gửi thông báo về thời gian kiểm tra hiện trường theo mẫu quy định;

- + Trường hợp nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra chưa hợp lệ, Cơ quan kiểm tra gửi thông báo hoàn thiện hồ sơ theo mẫu quy định. Thời hạn giải quyết sẽ được tính lại từ đầu, sau khi Cơ quan kiểm tra nhận lại đủ hồ sơ đăng ký kiểm tra.

- Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra thiết bị, phương tiện tại hiện trường theo các nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Đối với trường hợp kiểm tra sản xuất lắp ráp và kiểm tra nhập khẩu, sau khi kết thúc kiểm tra hiện trường, Cơ quan kiểm tra lập Biên bản xác nhận kiểm tra hiện trường theo mẫu quy định.

- + Trường hợp thiết bị, phương tiện và hồ sơ đăng ký kiểm tra phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, Cơ quan kiểm tra thực hiện quy trình cấp Giấy chứng nhận theo quy định;

- + Trường hợp thiết bị, phương tiện hoặc hồ sơ đăng ký kiểm tra chưa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, tùy vào từng trường hợp kiểm tra sẽ áp dụng quy trình cụ thể sau:

- * Đối với trường hợp kiểm tra sản xuất lắp ráp: Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cơ quan kiểm tra gửi thông báo khắc phục theo mẫu quy định. Doanh nghiệp được phép khắc phục nhưng không quá một (01) lần. Trường hợp doanh nghiệp không hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan kiểm tra gửi

thông báo khắc phục thì được đánh giá là không đạt.

* Đối với trường hợp kiểm tra nhập khẩu: Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cơ quan kiểm tra gửi thông báo khắc phục theo mẫu quy định. Doanh nghiệp được phép khắc phục nhưng không quá một (01) lần (trừ trường hợp toa xe đường sắt đô thị). Trường hợp doanh nghiệp không hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan kiểm tra gửi thông báo khắc phục thì được đánh giá là không đạt. Riêng đối với toa xe đường sắt đô thị, quá thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Cơ quan kiểm tra gửi thông báo khắc phục, doanh nghiệp chưa hoàn thành việc khắc phục mà không có văn bản nêu rõ lý do chưa hoàn thành việc khắc phục và cam kết mốc thời gian khắc phục mới thì được đánh giá là không đạt.

* Đối với trường hợp kiểm tra hoán cải: doanh nghiệp được phép khắc phục nhưng không quá một (01) lần. Trường hợp doanh nghiệp không hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thì được đánh giá là không đạt.

* Đối với trường hợp kiểm tra định kỳ: doanh nghiệp được phép khắc phục nhưng không quá một (01) lần. Trường hợp cơ sở sửa chữa, chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện không hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thì được đánh giá là không đạt.

- Cấp Giấy chứng nhận/thông báo không đạt và tem kiểm định

+ Trong thời gian không quá hai (02) ngày làm việc đối với trường hợp kiểm tra định kỳ và không quá ba (03) ngày làm việc đối với các trường hợp khác, kể từ ngày kết thúc kiểm tra và nộp đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan kiểm tra cấp Giấy chứng nhận (bản giấy và/hoặc bản điện tử) đối với từng thiết bị, lô bộ trục bánh xe, phương tiện theo mẫu quy định, đồng thời cấp tem kiểm định cho phương tiện theo mẫu quy định;

+ Trường hợp kết quả đánh giá không đạt, trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ thời điểm đánh giá không đạt, Cơ quan kiểm tra ra thông báo không đạt đối với từng thiết bị, lô bộ trục bánh xe, phương tiện theo mẫu quy định.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Nộp qua cổng dịch vụ công.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Bản chính hoặc bản điện tử Đơn đăng ký kiểm tra theo mẫu quy định;
- Bản chính hoặc bản sao có giá trị pháp lý hoặc bản điện tử có giá trị pháp lý:

+ Báo cáo kết quả kiểm tra hoặc báo cáo kết quả thử nghiệm theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;

+ Ảnh chụp thể hiện rõ số hiệu, hình ảnh tổng thể thiết bị, phương tiện.

- Đối với thiết bị, phương tiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, hoàn cải: bản chính hoặc bản sao có giá trị pháp lý hoặc bản điện tử có giá trị pháp lý tài liệu kỹ thuật của thiết bị, phương tiện theo mẫu quy định.

b) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian không quá hai (02) ngày làm việc đối với trường hợp kiểm tra định kỳ và không quá ba (03) ngày làm việc đối với các trường hợp khác, kể từ ngày kết thúc kiểm tra và nộp đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

1.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận và tem kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

1.8. Phí, lệ phí, giá:

a) Phí, giá: Theo quy định của Thông tư số 236/2016/TT-BTC quy định về giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt.

b) Lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): 50.000 VNĐ/lần.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đăng ký kiểm tra;
- Thông báo về thời gian kiểm tra hiện trường;
- Thông báo hoàn thiện hồ sơ;
- Biên bản xác nhận kiểm tra hiện trường;
- Thông báo khắc phục;
- Thông báo không đạt;
- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tem kiểm định.

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017.
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

- Thông tư số 20/2025/TT-BXD ngày ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư về lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

- Thông tư số 236/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt.

1.12. Mẫu đơn, mẫu kết quả

1.12.1. Đơn đăng ký kiểm tra

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày.....tháng.....năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA

Kính gửi:¹⁾

Tên tổ chức/doanh nghiệp: ²⁾

Người đại diện theo pháp luật: ³⁾

Địa chỉ: ⁴⁾Mã số doanh nghiệp: ⁵⁾

Điện thoại người liên hệ:Địa chỉ email:

Nội dung đăng ký kiểm tra:

- Loại hình kiểm tra: ⁶⁾

- Đối tượng kiểm tra: ⁷⁾

- Số hiệu/số chế tạo:

Hồ sơ kèm theo: ⁸⁾

.....

Địa điểm và thời gian kiểm tra dự kiến: ⁹⁾

.....

...²⁾ cam đoan và chịu trách nhiệm về nội dung khai báo, tính hợp pháp của hồ sơ đăng ký kiểm tra và chất lượng của ...⁷⁾ ...⁶⁾ trước pháp luật.

Lãnh đạo ...²⁾

(Ký tên, đóng dấu)

¹⁾ Tên Cơ quan kiểm tra

²⁾ Tên Cơ sở sản xuất/doanh nghiệp nhập khẩu/cơ sở sửa chữa/chủ phương tiện/chủ khai thác phương tiện

³⁾ Tên người đại diện theo quy định pháp luật của Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra

⁴⁾ Địa chỉ của Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra

⁵⁾ Mã số doanh nghiệp của Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra

⁶⁾ Lựa chọn: Sản xuất lắp ráp/nhập khẩu/hoán cải/định kỳ

⁷⁾ Ghi rõ đối tượng: toa xe .../đầu máy .../phương tiện chuyên dùng .../thiết bị ...

⁸⁾ Danh mục hồ sơ theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này

⁹⁾ Địa điểm và thời gian kiểm tra dự kiến

1.12.2. Mẫu thông báo về thời gian kiểm tra hiện trường

BỘ XÂY DỰNG
...¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
V/v: Thông báo về thời gian kiểm tra
hiện trường

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: -²⁾

Ngày ... tháng ... năm ..., ...¹⁾ đã nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra ... (phiếu tiếp nhận số ...). ...¹⁾ thông báo về thời gian kiểm tra hiện trường tới Quý ...²⁾.

... (*Nội dung chi tiết*).

...¹⁾ trân trọng thông báo để Quý ...²⁾ được biết và chuẩn bị thiết bị/phương tiện, bảo đảm các điều kiện kiểm tra theo quy định. Nếu có thay đổi về thời gian và địa điểm kiểm tra, đề nghị Quý ...²⁾ thông báo với ...¹⁾ trước thời gian kiểm tra trong thông báo tối thiểu 01 ngày làm việc. Trường hợp ...¹⁾ đã tiến hành đi kiểm tra, Quý ...²⁾ sẽ phải chịu các chi phí đi lại, ăn ở có phát sinh trong quá trình kiểm tra của ...¹⁾ theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
....

Lãnh đạo ...¹⁾
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁾ Tên Cơ quan kiểm tra

²⁾ Tên Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra

1.12.3. Mẫu thông báo hoàn thiện hồ sơ

BỘ XÂY DỰNG
...¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

V/v: Thông báo hoàn thiện hồ sơ

Kính gửi: -²⁾

Ngày ... tháng ... năm ..., ...¹⁾ đã nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra ... (phiếu tiếp nhận số ...). Sau khi xem xét, rà soát, đối chiếu nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra với nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ..., ...¹⁾ thông báo tới Quý ...²⁾ các nội dung sau cần phải hoàn thiện:

... (*Nội dung chi tiết*).

...¹⁾ trân trọng thông báo đề Quý ...²⁾ được biết và hoàn thiện hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
...

Lãnh đạo ...¹⁾
(*Ký tên, đóng dấu*)

¹⁾ Tên Cơ quan kiểm tra

²⁾ Tên Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra

1.12.4. Mẫu biên bản xác nhận kiểm tra hiện trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG

I. Đối tượng kiểm tra

- Phương tiện/thiết bị:
- Hồ sơ đăng ký kiểm tra:
- Loại hình kiểm tra:¹

II. Thành phần tham gia

1.²

Ông/bà: ... chức vụ:

Ông/bà: ... chức vụ:.....

2.³

Ông/bà: ... chức vụ:

Ông/bà: ... chức vụ:.....

III. Thời gian và địa điểm kiểm tra

Bắt đầu: ngàythángnăm.....

Kết thúc: ngàythángnăm.....

Địa điểm kiểm tra:

Biên bản này được lập thành 02 bản vào lúc giờ ngày .../.../..., có nội dung như nhau, mỗi bên giữ 01 bản. Cá nhân có liên quan ký tên dưới đây xác nhận thống nhất với nội dung của biên bản.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Lựa chọn: Sản xuất, lắp ráp/nhập khẩu

² Tên Cơ quan kiểm tra

³ Tên tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra

1.12.5. Mẫu giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

BỘ XÂY DỰNG ...¹⁾ MINISTRY OF CONSTRUCTION ...²⁾	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence – Freedom - Happiness
--	---

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ...

3)

CERTIFICATE OF TECHNICAL SAFETY QUALITY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION FOR ...

Số Giấy chứng nhận:

Số Tem kiểm định: ⁴⁾

(Certificate N₀):

(Inspection sticker N₀):

Liên số (Copy N₀):

....⁵⁾

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

According to the Circular No 01/2024/TT-BGTVT dated 26/01/2024 of Minister of Ministry of Transport stipulating on inspection of technical safety quality and environmental protection of railway vehicle;

Căn cứ Hồ sơ đăng ký kiểm tra/Hồ sơ đề nghị cấp lại: Ngày:/.../20...⁶⁾

(Based on the technical document): (Dated):

Căn cứ kết quả kiểm tra tại ... Ngày:/.../20...⁷⁾

(Based on the Inspection report N₀): (Dated):

...¹⁾ CHỨNG NHẬN

...²⁾ HAS CERTIFIED THAT

Loại hình kiểm tra: ⁸⁾ (Type of inspection): Loại thiết bị/phương tiện: (Component/Vehicle's type): Doanh nghiệp nhập khẩu: ⁹⁾ (Importer): Cơ sở sản xuất: ¹³⁾ (Manufacturer): Chủ phương tiện: ^{10) 12)} (Owner):	Số hiệu/chế tạo: (Component/Vehicle's N₀): Số đăng ký (nếu có): ^{10) 11) 12)} (Registration N₀ (if any)): Cơ sở sửa chữa: ^{10) 12)} (Repairing workshop): Phạm vi hoạt động: ¹⁵⁾ (Scope of operation): Năm sản xuất: ¹¹⁾ (Year of manufacture):
--	---

1) Tên Cơ quan kiểm tra bằng tiếng Việt

2) Tên Cơ quan kiểm tra bằng tiếng Anh

3) PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT (railway vehicle): Áp dụng đối với phương tiện giao thông đường sắt
THIẾT BỊ SỬ DỤNG TRÊN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT (component of railway vehicle): Áp dụng đối với thiết bị sử dụng trên phương tiện giao thông đường sắt

4) Không áp dụng đối với thiết bị và phương tiện hoán cải

5) Trường hợp cấp lại ghi rõ Cấp lại lần 1, Cấp lại lần 2

6) Tính từ ngày Cơ quan kiểm tra nhận được hồ sơ

7) Báo cáo kiểm tra phương tiện, thiết bị (không áp dụng đối với trường hợp cấp lại)

8) Lựa chọn: Sản xuất lắp ráp/nhập khẩu/hoán cải/định kỳ

9) Áp dụng đối với thiết bị, phương tiện nhập khẩu

10) Áp dụng đối với thiết bị tín hiệu đuôi tàu, phương tiện kiểm tra định kỳ

11) Ghi theo bản khai thông tin thiết bị, phương tiện của Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra

12) Áp dụng đối với phương tiện hoán cải

13) Áp dụng đối với thiết bị, phương tiện sản xuất lắp ráp, nhập khẩu

14) Địa chỉ của Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra

Địa chỉ: ¹⁴⁾

(Address):

Nội dung hoán cải: ¹²⁾

(Modified items):

Nước sản xuất: ¹¹⁾

(Country of manufacture):

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

MAJOR TECHNICAL SPECIFICATIONS

(Thông số kỹ thuật theo từng loại thiết bị/phương tiện cụ thể)

Thiết bị/Phương tiện này đã được kiểm tra phù hợp với ...

This component/vehicle has been inspected in compliance with ...

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày: ... ¹⁶⁾

This certificate is valid until ...

..., (Date) ngày tháng năm
...¹⁾

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú (Note): ¹⁷⁾

- Loại thiết bị/phương tiện, số hiệu/chế tạo, số đăng ký, năm sản xuất, nước sản xuất, phạm vi hoạt động, thông số kỹ thuật cơ bản được ghi theo thông tin trên văn bản của Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra. Cơ quan kiểm tra không chịu trách nhiệm về các thông tin của Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra trong hồ sơ đăng ký kiểm tra và các vấn đề liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sở hữu trí tuệ, các loại thuế (thuế xuất khẩu, nhập khẩu, ...), giá trị thương mại đối với thiết bị/phương tiện đăng ký kiểm tra.
- Các ghi chú khác (nếu có).

Ghi chú (Note): ¹⁸⁾

- Các ghi chú khác (nếu có).

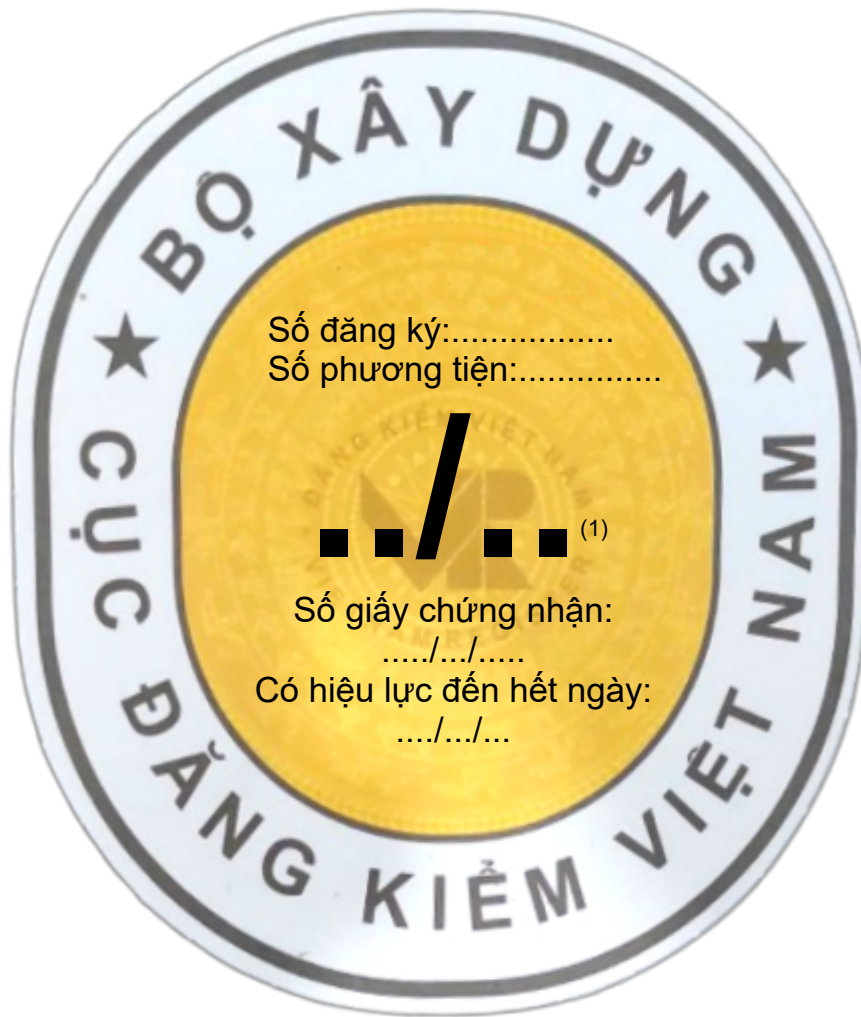
¹⁵⁾ Không áp dụng đối với thiết bị

¹⁶⁾ Không áp dụng đối với thiết bị (trừ thiết bị tín hiệu đuôi tàu), phương tiện hoán cải

¹⁷⁾ Áp dụng đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận

¹⁸⁾ Áp dụng đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận

1.12.6. Mẫu tem kiểm định



1) Thời hạn hiệu lực

1.12.7. Mẫu thông báo khắc phục

BỘ XÂY DỰNG
...¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
V/v: Thông báo khắc phục

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi:

-;²⁾

Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ..., ...¹⁾ đã tiến hành kiểm tra hiện trường đối với hồ sơ đăng ký kiểm tra ... (theo phiếu tiếp nhận số ...). Sau khi kết thúc kiểm tra, ...¹⁾ thông báo tới Quý ...²⁾ các nội dung sau cần phải khắc phục:

... (*Nội dung chi tiết*).

Thời gian khắc phục: ... (*Theo quy định của Thông tư này*)

...¹⁾ trân trọng thông báo để Quý ...²⁾ được biết và thực hiện theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
...

Lãnh đạo ...¹⁾

(*Ký tên, đóng dấu*)

¹⁾ Tên Cơ quan kiểm tra

²⁾ Tên Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra

1.12.8. Mẫu thông báo không đạt

BỘ XÂY DỰNG
...¹⁾
MINISTRY OF CONSTRUCTION
...²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số (N₀):

**THÔNG BÁO KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
NOTICE OF FAILURE OF TECHNICAL SAFETY QUALITY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt;

According to the Circular No 01/2024/TT-BGTVT dated 26/01/2024 of Minister of Ministry of Transport stipulating on inspection of technical safety quality and environmental protection of railway vehicle;

Căn cứ Hồ sơ đăng ký kiểm tra:
(Based on the technical document):

Ngày:/.../20...³⁾
(Dated):

Căn cứ kết quả kiểm tra ...⁴⁾
(Based on the Inspection report N₀):

Ngày:/.../20...
(Dated):

...¹⁾ **THÔNG BÁO**
...²⁾ HAS NOTIFIED THAT

Loại hình kiểm tra (Type of inspection):⁵⁾

Số hiệu/chế tạo (Component/Vehicle's N₀):

Loại thiết bị/phương tiện (Component/Vehicle's type):

Số đăng ký (nếu có) (Registration N₀(if any)):⁸⁾

Doanh nghiệp nhập khẩu (Importer):⁶⁾

Địa chỉ (Address):⁹⁾

Cơ sở sản xuất (Manufacturer):⁷⁾

Năm sản xuất (Year of manufacture):

Chủ phương tiện (Owner):⁸⁾

Nước sản xuất (Country of manufacture):

Cơ sở sửa chữa (Repairing workshop):⁸⁾

Thiết bị/Phương tiện này đã được kiểm tra và không đạt yêu cầu theo

This vehicle/component has been failed to satisfy the requirements according to

Lý do không đạt (Reason for fail) : ...

..., (Date) ngày tháng năm
...¹⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú (Note):

*Loại thiết bị/phương tiện, số hiệu/chế tạo, số đăng ký, năm sản xuất, nước sản xuất, phạm vi hoạt động, thông số kỹ thuật cơ bản được ghi theo thông tin trên văn bản của Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra. Cơ quan kiểm tra không chịu trách nhiệm về các thông tin của Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra trong hồ sơ đăng ký kiểm tra và các vấn đề liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sở hữu trí tuệ, các loại thuế (thuế xuất khẩu, nhập khẩu, ...), giá trị thương mại đối với thiết bị/phương tiện đăng ký kiểm tra.
- Các ghi chú khác (nếu có)*

¹⁾ Tên Cơ quan kiểm tra bằng tiếng Việt

²⁾ Tên Cơ quan kiểm tra bằng tiếng Anh

³⁾ Tính từ ngày Cơ quan kiểm tra nhận được hồ sơ

⁴⁾ Kết quả kiểm tra phương tiện, thiết bị

⁵⁾ Lựa chọn: Sản xuất, lắp ráp/nhập khẩu/hoán cải/định kỳ

⁶⁾ Áp dụng đối với thiết bị, phương tiện nhập khẩu

⁷⁾ Áp dụng đối với thiết bị, phương tiện sản xuất lắp ráp, nhập khẩu

⁸⁾ Áp dụng đối với phương tiện hoán cải, kiểm tra định kỳ

⁹⁾ Địa chỉ của Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra